

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Suối Cả, xã Nhơn Lý
của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Quy Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Suối Cả, xã Nhơn Lý của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Quy Nhơn; tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 20/11/2020;

Xét nội dung báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Suối Cả, xã Nhơn Lý đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 379/BQL-KHTH ngày 04/12/2020 của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1183/TTr-STNMT ngày 18/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Suối Cả, xã Nhơn Lý của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Quy Nhơn với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Quy Nhơn

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND xã Nhơn Lý theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án, bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm của UBND thành phố Quy Nhơn: chỉ đạo và giao cho đơn vị có chức năng triển khai thực hiện các bước tiếp theo sau khi Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Quy Nhơn đã hoàn thành việc xây dựng, cụ thể:

1. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

3. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc nội dung theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND xã Nhơn Lý;
- Chủ dự án;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ SUỐI CẢ, XÃ NHƠN LÝ CỦA
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

- 1.1. Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Suối Cả, xã Nhơn Lý.
- 1.2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Quy Nhơn.
- 1.3. Địa điểm: xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- 1.4. Phạm vi, quy mô dự án: tổng diện tích dự án là 116.563,18 m², với tổng dân cư khoảng 812 người.
- 1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, cụ thể: san nền, giao thông, hệ thống cấp và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công xây dựng: bụi trong quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng, bụi và khí thải của máy móc thi công tại công trường và của phương tiện vận chuyển; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.
- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình giao thông, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,52 m³/ngày.
- Giai đoạn hoạt động: tổng lượng nước thải sinh hoạt Dự án cần thu gom, xử lý khoảng 149,93 m³/ngày.
- Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, đất đắp; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) thông thường

- Trong giai đoạn xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 63 kg/ngày, chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 578 kg/ngày, chất thải rắn từ quá trình phát quang khoảng 373,8 tấn.

- Trong giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 730,8 kg/ngày, lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 25,86 kg/ngày.

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi; CTR từ quá trình đào đất có thành phần bùn, sét lỏng, dễ phát tán vào môi trường nước.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn xây dựng: phát sinh với tổng khối lượng khoảng 3 kg/tháng và giai đoạn hoạt động phát sinh với tổng khối lượng khoảng 170 kg/năm.

- Tính chất CTNH: chủ yếu là pin, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang,... chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, nổ, ăn mòn.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải và nước mưa chảy tràn

a) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, đầu nối vào các tuyến cống dọc theo các tuyến đường sau đó tập trung vào các tuyến cống chính HDPE, đường kính 250 – 400 mm, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 170 m³/ngày tại khu cây xanh phía Bắc dự án. Nước thải được xử lý đảm bảo đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (K=1,0), sau đó xả ra Suối Cả (tọa độ xả thải: 1.535.888; 611.643).

+ Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

Nước thải → Bể gom → Bể điều hoà → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → bể khử trùng → thoát ra Suối Cả.

b) Nước mưa chảy tràn

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải gồm các đường ống, hố ga, dẫn nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án thoát ra suối Cả thông qua 02 cống tiêu thoát nước hiện trạng đặt dưới tuyến kè dọc suối Cả phía Bắc, Tây Bắc dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

Giai đoạn xây dựng: phương tiện vận chuyển được phủ kín bạt, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, phun nước giảm thiểu bụi phát sinh,...

- Giai đoạn hoạt động: quy hoạch diện tích đất cây xanh khoảng 14.242,17 m².

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH

- Xà bần từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng sẽ được vận chuyển đến nơi đổ thải tại vị trí khu đất A3 thuộc đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1:2000 quỹ đất hai bên đường Điện Biên Phủ nối dài, phường Nhơn Bình.

- CTR sinh hoạt: bố trí khu vực tập kết các phương tiện thu gom rác (xe rác đẩy tay,...) tại khu vực bãi đậu xe với diện tích khoảng 30 m².

- CTNH: trang bị các thùng chuyên dụng đặt tại khu vực riêng có mái che để thu gom CTNH phát sinh và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Giai đoạn xây dựng: Bố trí biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào Dự án, chỉ thi công trong khoảng thời gian từ 7h- 11h30, 13h30-17h.

- Giai đoạn hoạt động: quy hoạch diện tích để trồng cây xanh.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Giai đoạn xây dựng: ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy và sử dụng các phương tiện thi công tại công trường nhằm tránh nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

- Giai đoạn hoạt động: bàn giao cho đơn vị chủ quản thường xuyên kiểm tra, khơi thông các hố ga, cống thoát nước mưa tránh ngập cục bộ trong khu vực khi có mưa lớn.

4. Danh mục biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Điểm tập kết phương tiện thu gom, vận chuyển rác tại bãi đậu xe, diện tích 30m² (có mái che).

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 170 m³/ngày.

- Diện tích cây xanh khoảng 14.242,17 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án hoặc đơn vị nhận bàn giao quản lý và vận hành dự án

Trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng: giám sát việc thu gom CTR và CTNH về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Vị trí, thông số và tần suất giám sát: cụ thể theo nội dung báo cáo ĐTM.

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số K=1,0.

5.3. Giám sát vận hành thương mại

a) Giám sát nước thải sinh hoạt

- Giám sát định kỳ tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

+ Thông số giám sát: lưu lượng và toàn bộ thông số theo QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số K=1,0.

b) Giám sát chất thải rắn: giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.

c) Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (bao gồm báo cáo về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại) theo quy định.